

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu quyết toán NSNN năm 2023
và dự toán NSNN năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương Đắk Lắk và Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-SCT ngày 27/12/2024 của Sở Công Thương Đắk Lắk về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2023 và công khai số liệu Dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2025 của Sở Công Thương và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở;

Chi tiết tại phụ lục số 01, 02 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc Sở;
- BCH Công đoàn Sở;
- Ban thanh tra ND (g/sát);
- Lưu: VT, VP (T).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Nhiệm



Phụ lục số 01
CÔNG KHAI SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định 311 /QĐ-SCT ngày 31 tháng 12 năm 2024)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu đã quyết toán
I. Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	970,961,007
1. Nguồn ngân sách nhà nước:	970,961,007
a) Ngân sách NN cấp (dự toán còn dư ở Kho bạc)	890,770,975
b) Phí, lệ phí để lại	-
c) Cải cách tiền lương (để lại từ nguồn thu)	80,190,032
2. Nguồn khác	-
II. Dự toán được giao trong năm	24,861,382,110
1. Nguồn ngân sách nhà nước:	24,861,382,110
a) Ngân sách trong nước	24,633,000,000
b) Phí, lệ phí để lại (bao gồm cả CCTL)	228,382,110
2. Nguồn khác	-
III. Tổng số được sử dụng trong năm	25,174,852,898
1. Nguồn ngân sách nhà nước:	25,174,852,898
a) Ngân sách trong nước	24,899,253,756
b) Phí, lệ phí để lại (bao gồm cả CCTL)	275,599,142
2. Nguồn khác	-
IV. Kinh phí thực nhận trong năm	22,118,670,431
1. Nguồn ngân sách nhà nước:	22,118,670,431
a) Ngân sách trong nước	21,923,261,321
b) Phí, lệ phí để lại (bao gồm cả CCTL)	195,409,110
2. Nguồn khác	-
V. Kinh phí quyết toán	21,386,670,431
1. Nguồn ngân sách nhà nước:	21,386,670,431
a) Ngân sách trong nước	21,191,261,321
b) Phí, lệ phí để lại (bao gồm cả CCTL)	195,409,110
2. Nguồn khác	-
VI. Kinh phí giảm trong năm	2,817,221,460
1. Đã nộp NSNN:	-
a) Nguồn ngân sách nhà nước:	-
- Ngân sách trong nước	-
- Phí, lệ phí để lại	-
b) Nguồn khác	-
2. Còn phải nộp NSNN :	-
a) Nguồn ngân sách nhà nước:	-
- Ngân sách trong nước	-

Chỉ tiêu	Số liệu đã quyết toán
- Phí, lệ phí để lại	-
b) Nguồn khác	-
3. Dự toán bị hủy	2,817,221,460
a) Nguồn ngân sách nhà nước:	2,817,221,460
- Ngân sách trong nước	2,817,221,460
VII. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	970,961,007
1. Nguồn ngân sách nhà nước:	970,961,007
a) Ngân sách trong nước	890,770,975
- Kinh phí đã nhận	-
- Dự toán còn dư ở Kho bạc	890,770,975
b) Phí, lệ phí để lại (nguồn CCTL)	80,190,032
2. Nguồn khác	-